

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 355/2025/DS-PT

Ngày: 23-7-2025

“Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Văn Nam;
- Ông Trần Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 271/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ D, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14-11-2024; có mặt.

Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1999; có mặt;
- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2001; vắng mặt;
- Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 2007; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Minh P: Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1981 (Bà L1 là mẹ ruột của Nguyễn Minh P); địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Kim T, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25-12-2023 âm lịch (ngày 04-02-2024 dương lịch) chị Nguyễn Thị S có cho ông Nguyễn Văn T1 (ông T1 là cha của chị L, anh N, anh P; ông T1 chết ngày 13-3-2024) vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay để mua bán bò; chị S giao tiền cho ông T1 một lần bằng tiền mặt tại nhà của chị S; chị S có viết “giấy mượn tiền” và ông T1 ký tên, ghi họ tên ở bên dưới; chị S có ghi nhầm ngày vay tiền “25-12-2023 âm lịch” thành “ngày 25-12-2024 âm lịch”; khi khởi kiện chị S đã sửa giấy mượn tiền này từ “ngày 25-12-2024 âm lịch” thành ngày “25-12-2023 âm lịch”.

Ngày 13-3-2024, ông T1 chết, không để lại di chúc. Theo chị S được biết ông T1 chết để lại di sản là quyền sử dụng đất, 01 căn nhà và 04 con bò cho các con của ông T1 là Nguyễn Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Minh P.

Nay chị S yêu cầu chị L, anh N, anh P cùng có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền vay 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Chị là con ruột của ông Nguyễn Văn T1 (chết ngày 13-3-2024). Ông T1 có 03 người con là chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Minh P. Ba mẹ chị đã ly hôn từ năm 2019. Bà nội của chị là bà Trần Kim T, ông nội chị chết tháng 4/2024. Khi cha chị chết không để lại di chúc và có để lại tài sản gồm: 02 phần đất, 01 căn nhà và 04 con bò; chị em chị đã làm thủ tục thừa kế nhận những tài sản này.

Khi còn sống ông T1 nợ một số người và nợ Quỹ tín dụng nên chị em chị đã bán 01 phần đất và bò để trả nợ; còn lại 01 phần đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 căn nhà, chị em chị đang quản lý, sử dụng.

Chị không quen biết chị S, ba chị cũng không nói gì đến khoản vay giữa ba chị và chị S. Sau khi ba chị chết, chị S đến nói ba chị còn nợ tiền và gửi qua zalo cho chị 01 giấy mượn tiền ghi ngày 25-12-2024 âm lịch, ghi ba chị mượn số tiền 40.000.000 đồng. Do giấy mượn tiền này ghi ngày 25-12-2024 âm lịch, nhưng ba chị chết ngày 13-3-2024 (nhằm ngày 04-02-2024 âm lịch) là ghi sau ngày ba

chị mất là không phù hợp. Khi chị S khởi kiện, chị phát hiện chị S đã chỉnh sửa năm trong giấy mượn tiền từ ngày “25-12-2024 âm lịch” thành ngày “25-12-2023 âm lịch”.

Về phần chữ ký và chữ viết tên trong giấy mượn tiền do ba chị có tự viết, tự ký tên hay không thì chị không được rõ do chị không sinh sống cùng với ba chị; nhưng do giấy mượn tiền đã bị chỉnh sửa không hợp lệ nên chị không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký tên của ba chị.

Trường hợp giấy nhận nợ không bị chỉnh sửa thì chị và các em chị đồng ý trả cho chị S; nhưng giấy mượn tiền này không hợp lệ và đã bị chỉnh sửa nên chị không đồng ý trả theo yêu cầu của chị S.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N **trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị L. Anh hoàn toàn không biết chị S, trước giờ ba anh không có nói gì về khoản nợ giữa ba anh và chị S. Anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị S, vì giấy mượn tiền đã bị chỉnh sửa.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Minh P **là bà** Bùi Thị L1 **trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày của chị L. Anh P hoàn toàn không biết chị S, trước giờ ông T1 không có nói gì về khoản nợ giữa ông T1 và chị S. Anh P không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị S, vì giấy mượn tiền đã bị chỉnh sửa, không đúng ngày tháng năm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim T **trình bày:** Bà là mẹ ruột của ông T1; bà không biết gì về việc chị S khởi kiện, không có liên quan gì đến việc vay mượn giữa chị S và ông T1 nên bà không đồng ý trả nợ trong trường hợp chị S yêu cầu bà cùng trả nợ.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 29-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S đối với chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Minh P về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-5-2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo nguyên đơn chị Nguyễn Thị S yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; buộc chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Minh P có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 40.000.000 đồng ông T1 đã vay của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo chị S trình bày ngày 25-12-2023 âm lịch chị S cho ông T1 vay số tiền 40.000.000 đồng; chị S viết giấy vay tiền, ông T1 ký tên nhận nợ; chị S đưa tiền vay cho ông T1 một lần bằng tiền mặt tại nhà chị S, không có ai chứng kiến việc ông T1 vay của chị S số tiền này; bà T, chị L, anh N, anh P (mẹ và các con ông T1) đều không biết và không thừa nhận việc ông T1 có vay của chị S số tiền này và không đồng ý trả nợ và cho rằng giấy nợ này được viết sau khi cha chị L chết, vì chị S đã tự chỉnh sửa ngày vay tiền này trong giấy nhận nợ từ ngày “25-12-2024 âm lịch” thành ngày “25-12-2023 âm lịch” nhưng không thể hiện được ông T1 đồng ý, ký tên xác nhận việc chỉnh sửa này và chị S cũng đã thừa nhận việc do chị S có chỉnh sửa giấy nợ này; do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S là phù hợp; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên chị S phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11), tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S đối với chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Nguyễn Văn N và Nguyễn Minh P, về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006940 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, chị S còn phải nộp thêm 851.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003405 ngày 05-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4 Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11, Tây Ninh;
- THADS khu vực 11, Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn